



Tuần 5 (1-5/2/2021)

BSC WEEKLY REVIEW

***Hành trình dò đáy trước
thông tin dịch bệnh***



NỘI DUNG

1. CHIẾN THUẬT TUẦN TỚI: *Hành trình dò đáy trước thông tin dịch bệnh*
2. PTKT VN-INDEX: *Cơ hội trong nhịp giảm mạnh*
3. TIN VĨ MÔ: *Dịch bệnh bùng phát trở lại*
4. PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU: *CKG MWG NTL SJS*
5. THỐNG KÊ KHUYẾN NGHỊ BÁO CÁO TUẦN
6. VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG: *Truyền thông_4.93%*
7. DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN: *Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng*
8. CẬP NHẬT i-INVEST: *Cổ phiếu ngành Dược_-2.1%*
9. CẬP NHẬT I-BROKER: *Express VCB 2020Q4*
10. KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG
11. Phụ lục: *Thống kê các lần bùng phát dịch bệnh*

CHIẾN THUẬT TUẦN: *Hành trình dò đáy trước thông tin dịch bệnh*

	Điểm số	Thay đổi (%)
VN-INDEX	1056.61	-9.44%
GTGD/phiên (tỷ VND)	15,238.72	-2.81%
Khối ngoại (tỷ VND)	1246.98	
HNX-INDEX	214.21	-10.79%
GTGD/phiên (tỷ VND)	1986.04	-17.63%
Khối ngoại (tỷ VND)	30.77	

TTCK	Điểm số	% Ngày	% Tuần	% Tháng
US (S&P500)	3714.24	-1.93%	-3.31%	-0.48%
EU (EURO STOXX)	3481.44	-2.13%	-3.36%	-2.00%
China (SHCOMP)	3483.07	-0.63%	-3.43%	0.29%
Japan (NIKKEI)	27663.39	-1.89%	-3.38%	0.35%
Korea (KOSPI)	2976.21	-3.03%	-5.24%	3.58%
Singapore (STI)	2902.52	-0.61%	-2.98%	2.06%
Thailand (SET)	1466.98	-0.10%	-2.06%	1.22%
Phillipines (PCOMP)	6612.62	-3.49%	-6.15%	-7.38%
Malaysia (KLCI)	1566.40	-0.90%	-1.78%	-4.74%
Indonesia (JCI)	5862.35	-1.96%	-7.05%	-1.95%
Vietnam (VNIndex)	1056.61	3.19%	-9.44%	-4.28%

HĐTL	Điểm số	± Basis	GTGD* / phiên	HĐM^ / phiên
VN30F2102	1076.90	2.73%	23424.3	32237.4
VN30F2103	1082.00	3.21%	121.0	805.4
VN30F2106	1079.70	2.99%	50.9	448.6
VN30F2109	1084.60	3.46%	23.8	180.6

TTCK VIỆT NAM

Đón nhận tin xấu, VN-Index có tuần thứ 2 giảm điểm với mức giảm mạnh 9.4%.

Xu hướng giảm điểm ngắn hạn xác lập khi VN-Index giảm dưới 1,130 điểm và có phiên giảm kỷ lục 6.7% ngày 28/1 trước tin Covid-19 trở lại cộng đồng. VN-Index chỉ hồi phục phiên cuối tuần qua đó thu hẹp mức giảm xuống 9.4% với 18/19 ngành tăng điểm và 377 cổ phiếu giảm so với 44 cổ phiếu tăng. Quá trình dò đáy vẫn đang diễn ra và còn quá sớm khẳng định về khả năng hồi phục khi VN-Index chưa thể vượt qua cản 1,083 điểm và đóng gap giảm giá tại 1,100 điểm. Diễn biến dịch bệnh và yếu tố tâm lý sẽ còn chi phối diễn biến thị trường trong tuần tới.

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 tăng 22.2% YoY. Tổng mức bán lẻ hàng hóa dịch vụ tăng 6.4% YoY. Giải ngân vốn ngân sách tăng 24.5% YoY. Kim ngạch XK và NK tăng lần lượt 50.5% và 41% YoY; cán cân thương mại ước xuất siêu 1.3 tỷ USD. CPI tăng 0.06% tháng 12/2020 và giảm 0.97% YoY. Các dữ liệu cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh và XNK lấy đà tăng trưởng tốt ngày từ tháng 1. Tuy nhiên dịch bệnh (Phụ lục) đã quay lại cộng đồng sau hơn 55 ngày kiểm soát sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế trong tháng 2.

Tính đến 29/1, 472 công ty niêm yết trên HSX và HNX, chiếm tỷ lệ 60%, đã công bố KQKD quý IV với tăng trưởng 26.7% so cùng kỳ. 33% số công ty tăng trưởng dương và 9% số công ty thua lỗ trong quý IV. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tiếp tục chiếm 5 vị trí đóng góp LN tuyệt đối nhiều nhất gồm VCB, TCB, VPB, ACB, MBB, chiếm 43% LNST gia tăng của toàn thị trường.

TTCK THẾ GIỚI

Kinh tế Hoa Kỳ giảm mạnh nhất từ năm 1946, thị trường có tuần biến động giảm.

GDP Hoa Kỳ ghi nhận mức giảm 3.5%, mức giảm mạnh nhất từ năm 1946. Trước đó, trong cuộc họp chính sách tháng 1, FED đã giữ nguyên lãi suất gần mức 0% và duy trì chương trình mua tài sản ít nhất 120 tỷ USD/tháng. Thị trường CK Mỹ biến động mạnh theo hướng giảm khi gói hỗ trợ không sớm được thông qua. Các thị trường Châu Á và Châu Âu đều đồng loạt giảm điểm. TTCK khu vực giảm khá mạnh trước áp lực ra từ khối ngoại. USD Index tăng nhẹ trở lại 0.5% và Chỉ số hàng hóa tăng 1.1%. Các kim loại ngoại trừ bạc và cao su tự nhiên giảm điểm trong khi giá gas và thép HRC tăng mạnh lần lượt 9.2% và 7.1%.

Theo sau ECB và BOJ, FED tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ hiện tại. Chủ tịch FED cũng cho rằng còn quá sớm nói đến chuyện giảm quy mô tài sản. Do vậy, chính sách kinh tế nới lỏng tiền tệ vẫn là yếu tố nâng đỡ TTCK cho dù Chủ tịch FED không thừa nhận chuyện này. Gói hỗ trợ kinh tế 1,900 tỷ đang có dấu hiệu chững lại sau vài tuần nữa. Do vậy biến động và phân hóa của thị trường còn tiếp tục diễn ra trong mùa công bố KQKD quý IV tại các thị trường chủ chốt và trong khu vực.

Chú thích: * tỷ VNĐ

^ hợp đồng



PTKT VN-INDEX: *Cơ hội trong nhịp giảm mạnh*

Đồ thị tuần: VNIndex có tuần giảm mạnh nối tiếp tuần điều chỉnh trước đó và đã có thời điểm kiểm tra lại khu vực 1000 điểm nhưng đã hồi phục trở lại từ mốc này. Khuynh hướng giảm chủ yếu là do tác động bởi thông tin dịch Covid lây lan trong cộng đồng. ADX giảm về quanh giá trị 31 đồng thời các chỉ báo kỹ thuật đang có trạng thái trung lập, trong khi đó, khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với tuần trước. Đường MACD vẫn đang duy trì trên đường tín hiệu và khoảng cách đang có chiều hướng thu hẹp. Ngưỡng hỗ trợ của chỉ số trong ngắn hạn là tại khu vực quanh 1015 điểm, tương ứng với giá trị hiện tại của SMA20.

Một vài đặc điểm chú ý của đồ thị ngày:

- Chỉ báo động lượng RSI tăng trở lại sau khi tiệm cận vùng quá bán.
- Thanh khoản thị trường duy trì ổn định ở mức cao.

Nhận định: VNIndex đang ở trong trạng thái giảm ngắn hạn nhưng xu hướng tăng trung hạn vẫn chưa xác nhận sẽ kết thúc. Bên cạnh đó, việc thanh khoản tiếp tục giữ ở mức cao cho thấy các thành viên tham gia thị trường vẫn đang hoạt động giao dịch tích cực. Theo đánh giá hiện tại thì VNIndex trong tuần tiếp theo nhiều khả năng sẽ vẫn có những phiên dao động với biên độ lớn. Mặt khác, những diễn biến của dịch Covid-19 sẽ tiếp tục tác động đến vận động của chứng khoán Việt Nam trong tuần tới.



Nguồn: BSC Research



TIN VĨ MÔ: *Dịch bệnh bùng phát trở lại*

VIỆT NAM:

- Theo Bộ Y tế, sáng 30/1, Việt Nam ghi nhận thêm 34 ca nhiễm Covid-19. Thủ tướng Chính phủ chỉ thị phong tỏa toàn bộ thành phố Chí Linh thuộc tỉnh Hải Dương và áp dụng các biện pháp theo Chỉ thị số 16 ngày 31/3/2020. Bộ Giao thông vận tải yêu cầu dừng toàn bộ các chuyến bay chở khách, chở hàng trên các đường bay đi/đến tỉnh Quảng Ninh. Hội đồng tư vấn cấp giấy đăng ký lưu hành thuốc phê duyệt vaccine phòng Covid-19 của Astra Zeneca. Astra Zeneca cam kết cung cấp 30 triệu liều trong 2021, và dự kiến sẽ có mặt tại Việt Nam trong quý I.
- Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 64% YoY trong tháng 1, sau khi tăng 9.4% YoY trong tháng 12, chậm nhất kể từ tháng 10. Bán lẻ hàng hóa tăng 8.7% YoY trong tháng 1, sau khi tăng 13.8% YoY trong tháng 12. Sản lượng công nghiệp tăng 22.2% YoY trong tháng 1, sau khi tăng 9.5% YoY trong tháng 12. Sản lượng chế biến chế tạo tăng 27.2% trong tháng 1, sau khi tăng 13.1% YoY trong tháng 12. Xuất khẩu hàng hóa ước đạt 27.7 tỷ USD trong tháng 1, tăng 50.5% YoY. Nhập khẩu hàng hóa ước đạt 26.4 tỷ USD trong tháng 1, tăng 41.0% YoY. Thặng dư thương mại ước đạt 1.3 tỷ USD trong tháng 1/2020, so với 0.28 tỷ USD trong tháng 1/2020. Chỉ số giá tiêu dùng giảm 0.97% YoY trong tháng 1, sau khi tăng 0.19% trong tháng 12. Lạm phát cơ bản tăng 0.49% YoY trong tháng 1. Vốn FDI thực hiện ước đạt 1.51 tỷ USD, tăng 4.10% YoY. Vốn FDI đăng ký cấp mới và đăng ký tăng thêm ước đạt 1.80 tỷ USD, giảm -62.55% YoY.

THẾ GIỚI:

- GDP Mỹ tăng 4% QoQ trong quý IV/2020. GDP giảm -3.5% YoY cho cả năm 2020. Tiêu dùng cá nhân giảm 0.2% MoM trong tháng 12, sau khi giảm 0.7% MoM trong tháng 11. Thu nhập cá nhân tăng 0.6% MoM trong tháng 12, sau khi giảm 1.3% MoM trong tháng 11. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân tăng 1.3% YoY trong tháng 12. Chỉ số giá tiêu dùng cá nhân cơ bản tăng 1.5% YoY trong tháng 12, sau khi tăng 1.4% YoY trong tháng 11.
- GDP Đức tăng 0.1% QoQ trong quý IV/2020, sau khi tăng 8.5% QoQ trong quý III/2020. GDP giảm -5.0% cho cả năm 2020. GDP dự báo tăng 3.0% cho cả năm 2021. CPI tăng 1% YoY trong tháng 1, lần đầu trong 7 tháng.
- FED duy trì lãi suất điều hành tại 0-0.25%, tổng mức mua trái phiếu chính phủ tại 80 tỷ USD, và chứng khoán đảm bảo bằng thế chấp tại 40 tỷ USD. Vận động hồi phục chậm lại, tình hình lao động chưa khả quan. FED tiếp tục cam kết trợ giúp vĩ mô tương đương giai đoạn khủng hoảng.
- PBoC rút ròng 100 tỷ CNY thông qua hợp đồng mua lại đảo ngược (reverse repo) hôm 27/1, sau khi rút ròng 78 tỷ CNY thông qua nghiệp vụ thị trường mở.

THÔNG TIN LƯU Ý TUẦN TIẾP THEO:

- Đại hội Đảng toàn quốc XIII từ 25/1 đến 2/2/2021.
- Công bố các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô tháng 1/2021
- Công ty niêm yết công bố KQKD dự kiến quý IV và năm 2020.
- Ngày 1/2, PMI sản xuất EU, Anh và Hoa Kỳ; chỉ số thất nghiệp EU. 2/2, GDP lần đầu EU, chỉ số PMI dịch vụ Trung Quốc. 3/2, PMI dịch vụ EU, Hoa Kỳ, dự trữ dầu thô Hoa Kỳ. 4/2, Lãi suất và Báo cáo tiền tệ Anh, đơn xin trợ cấp lần đầu Hoa Kỳ. 5/2, Tỷ lệ thất nghiệp Canada và Hoa Kỳ.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Nguồn: BSC Research

Nguồn: BSC Research



PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

24.35

Xu hướng hiện tại

Khuyến nghị kỹ thuật

Giá mục tiêu

Giá cắt lỗ

21.25

Kháng cự

24.5

Hỗ trợ

22.75

MACD

RSI

Moving Average

Thanh khoản



34.1

Xu hướng hiện tại

Khuyến nghị kỹ thuật

Giá mục tiêu

Giá cắt lỗ

30

Kháng cự

34.5

Hỗ trợ

32

MACD

RSI



Moving Average

Thanh khoản



CẬP NHẬT HIỆU SUẤT PTKT TUẦN

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
24/1/21	DXG	20	23	15.75	19.6	5	-2.00%	Có thể tiếp tục mua
Chú thích: (*) Trạng thái kỹ thuật không tốt (**) Tiệm cận giá mục tiêu								



Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa ngày báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
24/1/21	KDC	43	47	38.25	SL	5	-11.05%
24/1/21	MSH	42.8	51.5	39	SL	5	-8.88%
24/1/21	TNA	15.35	17	14	SL	3	-8.79%
17/1/21	CSV	30.25	33	28.5	SL	3	-5.79%
17/1/21	AGG	32.9	38	31.5	SL	2	-4.26%
17/1/21	VCS	90.3	109.5	83.5	SL	2	-7.53%
17/1/21	VJC	131.8	152	119.5	SL	12	-9.33%
10/1/21	GAS	92.7	107	83.75	SL	10	-9.65%
10/1/21	PXS	8.72	11	7.5	SL	10	-13.99%
10/1/21	PVD	19.65	23.5	15.5	TP	8	19.59%
10/1/21	PVS	20.5	25	17	SL	18	-17.07%
3/1/21	CMX	17.9	20	16	TP	10	11.73%
3/1/21	APG	11.45	12.5	10.75	TP	4	9.17%
3/1/21	HND	19	21	18.5	TP	3	10.53%
3/1/21	BFC	17.45	19.5	16	SL	25	-8.31%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất							
				TP - Đã chốt lời		SL - Đã cắt lỗ	

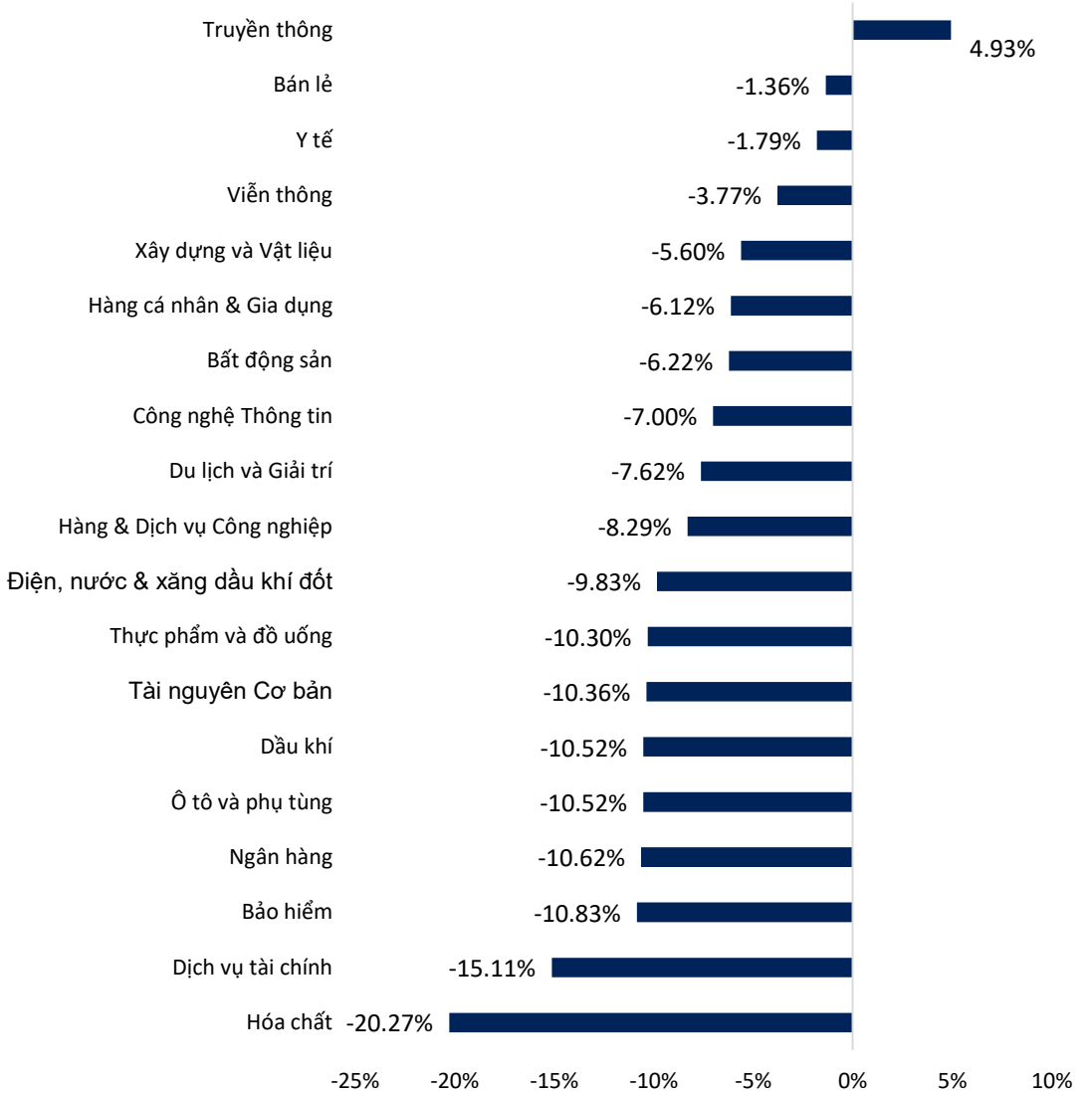
Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất KN lãi	Hiệu suất KN lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình
Chưa chốt	0	1	0.00%	-2.00%	-2.00%	5
Đã chốt	77	58	13.64%	-8.37%	4.18%	28



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Ngành	% Ngày	%Tuần	% Tháng	CP tiêu biểu			
Truyền thông	1.44%	4.93%	-1.92%	YEG	-5.37%	FOC	-3.13%
Bán lẻ	5.93%	-1.36%	9.52%	MWG	0.53%		
Y tế	4.11%	-1.79%	-2.00%	DBD	-1.04%		
Viễn thông	-6.59%	-3.77%	-0.78%	VGI	-15.96%	FOX	-2.31%
Xây dựng và Vật liệu	3.98%	-5.60%	-0.15%	CTD	-8.07%	HT1	-6.42%

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	Tích cực	Tiêu cực
Dầu WTI	USD/bbl.	52.20	-0.27%	-0.13%	9.27%	PVD, PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	USD/bbl.	55.04	-0.11%	-0.38%	7.25%	PVD, PVT	GAS, BSR
Xăng	USd/gal.	155.27	-1.44%	0.50%	13.35%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/oz.	1,847.65	0.24%	-0.43%	-2.47%	PNJ	
Bạc	USD/oz.	26.99	1.83%	5.86%	1.20%		PNJ
Đậu tương	USd/bu.	1,370.00	1.24%	4.44%	8.97%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	USd/bu.	663.00	2.47%	4.49%	7.94%		AFX
Sữa	USD/cwt	16.64	-0.48%	-5.13%	-5.62%	KDC	VNM, GTN, QNS
Cao su	JPY/kg	236.50	3.59%	-0.63%	0.64%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	USd/lb.	15.83	1.54%	-0.25%	5.67%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS
Cà phê	USd/lb.	122.95	-0.85%	-0.89%	-0.32%	VCF, CTP	CTP, DLG
Đồng	USD/MT	7,856.00	-0.22%	-1.77%	-0.04%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Thép	CNY/MT	4,270.00	-1.32%	-1.43%	0.64%	PC1, CTD, HBC	HSG, HPG, NKG
Nhôm	USD/MT	1,977.50	-0.35%	-0.85%	-0.68%	CAV, SAM, TGP, VTH	
Quặng sắt	CNY/MT	985.00	-2.52%	-6.59%	-3.38%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/MT	87.20	-1.52%	3.26%	4.37%	HLC, NBC, TNT, THT	HT1, BCC, PPC, POW
Thép HRC	CNY/MT	685.87	-1.37%	1.11%	1.23%	HSG, HPG, NKG	PC1, CTD, HBC



Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



VẬN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Top tăng điểm số VN-Index		
Mã	% tăng	Điểm số
MWGG	+4.32%	0.67
VGC	+11.22%	0.42
OCB	+6.81%	0.37
NVL	+1.52%	0.32
SJS	+21.79%	0.19
HPX	+5.67%	0.14
SZC	+7.83%	0.08
FLC	+5.63%	0.06
SGT	+21.71%	0.06
VCF	+3.00%	0.05
Tổng		2.353

Top giảm điểm số VN-Index		
Mã	% giảm	Điểm số
VCB	-9.71%	-9.947
GVR	-23.99%	-8.257
CTG	-18.88%	-7.095
BID	-11.82%	-5.777
SAB	-16.65%	-5.545
GAS	-11.89%	-5.292
VHM	-5.84%	-5.222
VIC	-5.33%	-5.092
VPB	-17.81%	-4.286
TCB	-11.85%	-4.044
Tổng		-60.557

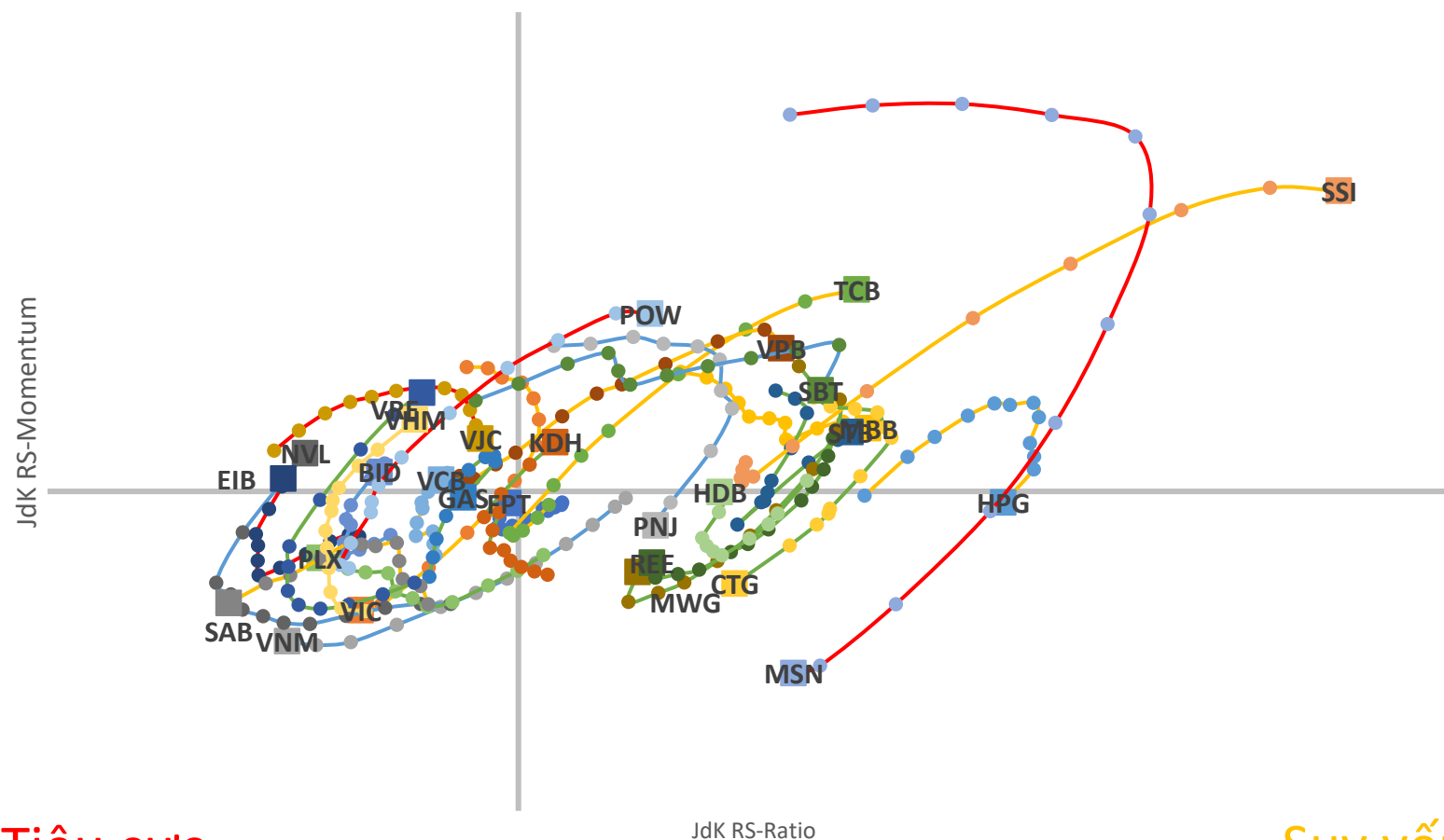
Khối ngoại mua ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
MWG	840.23	49.00
VHM	250.13	22.18
NVL	220.43	7.08
FUEVFN	216.27	
FUESSVFL	212.67	
KBC	134.76	18.95
STB	94.97	9.80
LPB	93.06	4.38
CTG	75.93	28.69
VCI	65.64	27.09
Tổng	2,204.07	

Khối ngoại bán ròng		
Mã	Mua ròng	SHNN
HPG	-561.81	31.01
VNM	-288.07	57.66
VGC	-160.92	7.02
GAS	-111.73	2.95
FCN	-110.62	40.47
PLX	-97.61	15.53
VRE	-66.31	31.23
MBB	-53.06	23.00
KDH	-48.57	37.85
SHB	-43.45	5.36
Tổng	-1542.17	



Ma trận tương quan cổ phiếu thuộc VN30 vs. VN-Index

Tích cực



Tiêu cực

Suy yếu

Chú thích: những cổ phiếu nằm trong góc

- **Tích cực** → nên trong danh sách mua
- **Suy yếu** → nên trong danh sách theo dõi cho một điều chỉnh giảm
- **Tiêu cực** → nên trong danh sách tránh
- **Hồi phục** → nên trong danh sách theo dõi cho một vận động tăng

Nguồn: Bloomberg, BSC Research



DIỄN BIẾN DÒNG TIỀN

Vận động khối ngoại trên sàn HSX			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	3,062.90	10,013.12	34,750.45
Giá trị bán	1,921.58	8,766.15	36,178.20
Mua / bán ròng	1,141.32	1,246.98	-1,427.74
Giao dịch tự doanh			
	Ngày	Tuần	Tháng
Giá trị mua	902.84	3,039.57	11,168.38
Giá trị bán	576.43	3,447.37	11,174.24
Mua / bán ròng	326.41	-407.81	-5.86
Tự doanh mua ròng	Giá trị mua (tỷ VND)	Tự doanh bán ròng	Giá trị bán (tỷ VND)
MWG	155.73	HPG	-275.34
FPT	100.11	FUEVFN30	-216.47
VGC	96.73	FUESSVFL	-213.07
PNJ	45.35	MBB	-87.71
PLX	40.59	DIG	-83.39
REE	33.70	STB	-80.45
HDG	33.56	VHM	-64.74
BCG	32.50	DXG	-64.37
KDH	31.30	E1VFN30	-56.52
GMD	24.43	BSI	-24.45

ETF	AUM (tr. USD)	NAV/CP (USD)	± Chứng chỉ quỹ	% Premium	Dòng vốn ròng (tr. USD)		
					1W	1M	3M
VNM	425.86	16.51	0.10	0.99%	1.64	1.60	-1.54
FTSE	291.32	33.51	0.00	-1.12%	4.48	11.16	13.72
iShare	431.84	29.68	0.00	-0.13%	0.00	0.00	0.00
E1VFN30	340.06	0.73	0.00	0.77%	15.6	37.4	38.9
FUEVFN30	275.27	0.72	5.20	1.14%	21.2	63.2	144.0
FUESSVFL	57.22	0.55	0.00	8.59%	12.7	14.0	11.5
FUESSVN30	2.83	0.54	0.00	2.99%	0.2	0.2	0.2
FUEMAVN30	13.30	0.55	0.00	0.55%	1.0	4.2	
VN100	3.88	0.65	0.00	0.26%	0.0	0.0	-0.1
KIM	197.23	12.64	0.00	-0.37%	0.00	-4.85	
PREMIA	24.29	10.56	0.00	-0.19%	0.00	0.41	-1.73

Nhận định: Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng trong tuần hoạt động bán ròng đang gia tăng trong khu vực. ETF E1, Diamond, Finlead tăng quy mô trong khi FTSE giảm quy mô.

Nguồn: Bloomberg, Fiinpro, BSC Research



CẬP NHẬT i-INVEST

* Danh mục đáng chú ý trong tuần: Theme_Cổ phiếu ngành Dược_-2.1%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	15/26 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
Cổ phiếu ngành Dược	6.1%	-2.1%	-2.7%	-2.7%	-2.7%	-2.7%	36.0%
Hàng tiêu dùng	5.0%	-5.5%	-4.4%	-4.4%	-4.4%	-4.4%	41.6%
Vật liệu Xây dựng	3.7%	-5.9%	-1.8%	-1.8%	-1.8%	-1.8%	38.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	3.3%	-6.1%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	-1.0%	39.0%
Stay-at-home	7.0%	-6.8%	-8.3%	-8.3%	-8.3%	-8.3%	48.7%
FTSE Việt Nam	5.5%	-6.9%	-2.4%	-2.4%	-2.4%	-2.4%	43.6%
Xây dựng	2.9%	-7.1%	-4.3%	-4.3%	-4.3%	-4.3%	40.8%
Cổ phiếu hết room ngoại	4.1%	-7.1%	2.7%	2.7%	2.7%	2.7%	43.4%
VN Diamond	4.4%	-7.2%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	44.4%
Nước & Năng lượng	4.5%	-7.5%	-5.1%	-5.1%	-5.1%	-5.1%	40.2%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	4.9%	-7.6%	0.7%	0.7%	0.7%	0.7%	46.0%
EVFTA	1.9%	-7.8%	21.0%	21.0%	21.0%	21.0%	47.4%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	4.7%	-8.0%	-0.2%	-0.2%	-0.2%	-0.2%	43.8%
Top 10 cổ phiếu VN30	3.0%	-8.0%	1.2%	1.2%	1.2%	1.2%	38.6%
MSCI frontier 100 Việt Nam	4.3%	-8.3%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	-2.8%	42.0%
Bất động sản & Khu công nghiệp	2.0%	-9.1%	12.2%	12.2%	12.2%	12.2%	46.1%
Corona Avengers	3.3%	-9.3%	8.2%	8.2%	8.2%	8.2%	43.7%
Đầu tư công	5.0%	-9.8%	-8.9%	-8.9%	-8.9%	-8.9%	46.6%
Bất động sản Khu công nghiệp	-0.1%	-11.2%	6.9%	6.9%	6.9%	6.9%	43.9%
Ngân Hàng	2.7%	-11.2%	-5.3%	-5.3%	-5.3%	-5.3%	45.3%
Lãi suất giảm	2.2%	-11.6%	-5.1%	-5.1%	-5.1%	-5.1%	46.8%
Chiến tranh thương mại	-0.6%	-11.7%	5.5%	5.5%	5.5%	5.5%	47.6%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	2.7%	-13.8%	-4.3%	-4.3%	-4.3%	-4.3%	50.7%
VN FinSelect	2.3%	-13.9%	-5.3%	-5.3%	-5.3%	-5.3%	48.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	4.9%	-16.6%	-13.4%	-13.4%	-13.4%	-13.4%	58.8%
Dầu khí	5.8%	-16.7%	-4.8%	-4.8%	-4.8%	-4.8%	65.9%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Mục tiêu	9/8 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
L11	4.0%	-4.5%	2.0%	2.0%	2.0%	2.0%	39.6%
S32	4.1%	-5.6%	0.1%	0.1%	0.1%	0.1%	40.9%
L22	4.7%	-6.4%	0.2%	0.2%	0.2%	0.2%	41.1%
M12	4.5%	-7.1%	-0.2%	-0.2%	-0.2%	-0.2%	42.1%
M22	4.7%	-7.6%	-2.3%	-2.3%	-2.3%	-2.3%	43.3%
S21	3.8%	-7.7%	0.4%	0.4%	0.4%	0.4%	42.0%
S11	4.4%	-8.4%	-4.0%	-4.0%	-4.0%	-4.0%	42.5%
M31	3.1%	-8.8%	-3.5%	-3.5%	-3.5%	-3.5%	40.0%
L32	4.0%	-9.7%	-5.5%	-5.5%	-5.5%	-5.5%	44.8%

Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất tháng tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	4.7%	-6.2%	1.5%	1.5%	1.5%	1.5%	44.1%
MID1	4.9%	-7.7%	-1.6%	-1.6%	-1.6%	-1.6%	42.0%
LOW1	3.1%	-9.4%	14.1%	14.1%	14.1%	14.1%	46.9%

INDEX							
VNINDEX	3.2%	-9.4%	-4.3%	-4.3%	-4.3%	-4.3%	39.1%
VN30INDEX	3.7%	-9.4%	-2.1%	-2.1%	-2.1%	-2.1%	42.5%

Tham chiếu chỉ số VNINDEX							
Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	26	16	10	17	9	15	11
Mục tiêu	9	8	1	8	1	8	1
Rủi ro	3	2	1	3	0	3	0



CẬP NHẬT i-BROKER

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express VCB 2020Q4	25/12/20	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 120000; Giá tại Publish 98000 Dự báo KQKD: Trong năm 2020, BSC dự báo VCB sẽ ghi nhận TOI = 49,590 tỷ VND (+8.4% yoy), PBT = 22,879 tỷ VND (-1.1% yoy) do việc tiếp tục giảm lãi suất hỗ trợ khách hàng và tăng trích lập dự phòng. Trong năm 2021, BSC dự báo VCB sẽ ghi nhận TOI = 53,499 tỷ VND (+7.9% yoy), PBT = 27,663 tỷ VND (+20.9% yoy). BVPS 2021 ở mức 30,035 VND/cp.
Express ACB 2020Q4	25/12/20	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 35000; Giá tại Publish 27950 Cập nhật KQKD: BSC dự báo ACB sẽ ghi nhận TOI = 18,405 tỷ VND (+14.3% yoy), PBT = 8,475 tỷ VND (+12.8% yoy) do điều chỉnh giảm chi phí dự phòng và chi phí COF. Trong năm 2021, BSC dự báo ACB sẽ ghi nhận TOI = 20.188 tỷ VND (+9.7% yoy) và PBT = 10,034 tỷ VND (+18.4% yoy), BVPS 2021 = 15,060 VND/cp.
Express TCB 2020Q4	25/12/20	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 40000; Giá tại Publish 29550 Cập nhật KQKD: Trong năm 2020, BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI = 25,031 tỷ VND (+18.8% yoy), PBT = 14,539 tỷ VND (+13.2% yoy). Trong năm 2021, BSC dự báo TCB sẽ ghi nhận TOI = 27,511 tỷ VND (+10.0% yoy) và PBT = 16,819 tỷ VND (+15.7% yoy), BVPS 2021 = 24,850 VND/cp.
Express CTG 2020Q4	25/12/20	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 38000; Giá tại Publish 34700 Dự báo KQKD: Trong năm 2020, BSC dự báo CTG sẽ ghi nhận TOI = 42,980 tỷ VND (+6.1% yoy), PBT = 13,401 tỷ VND (+13.8% yoy). Trong năm 2021, BSC dự báo CTG sẽ ghi nhận TOI = 53,311 tỷ VND (+24.0% yoy) và PBT = 16,294 tỷ VND (+21.6% yoy), BVPS 2021 = 25,148 VND/cp.
Express STB 2020Q4	25/12/20	Khuyến nghị NẮM GIỮ; Giá mục tiêu 17000; Giá tại Publish 16950 Dự báo KQKD: Trong năm 2020, BSC dự báo STB sẽ ghi nhận TOI = 16,291 tỷ VND (+11.3% yoy), PBT = 3,002 tỷ VND (-6.7% yoy). Trong năm 2021, BSC dự báo STB sẽ ghi nhận TOI = 17,995 tỷ VND (+10.5% yoy), PBT = 4,455 tỷ VND (+48.4% yoy). BVPS 2021 ở mức 15,218 VND/cp.

Sử dụng iBroker tại đây [Link](#)

Hướng dẫn sử dụng [Link](#)

Room tư vấn Skype

Room tư vấn Zalo



KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

1

2

3

4

5

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

Nhập các thông tin quan trọng sau để đăng ký mở tài khoản Chứng khoán online và dùng để xác thực giao dịch của Quý khách trong tương lai:

Họ tên (*)

Ngày sinh (*)

CMTND/CCCD (*)

Ngày cấp (*)

Nơi cấp (*)

Số điện thoại (*)

Email (*)

Địa chỉ liên hệ (*)

Tỉnh/Thành phố (*)

Quận/Huyện (*)

Phường/Xã (*)

Thông tin người giới thiệu (email/số tài khoản tại BSC)

TIẾP TỤC



Quý khách hàng có thể tham gia cộng đồng nhà đầu tư bằng cách quét mã QR trên đây đồng thời click vào hình bên để điền thông tin vào form đăng ký

Thống kê một số thông số của làn sóng thứ 2 và làn sóng dịch lần này

Dịch covid	Làn sóng thứ 1 tại toàn quốc	Làn sóng thứ 2 tại Đà Nẵng	Làn sóng 3 tại Miền Bắc?
Nguồn lây nhiễm	Người Việt, người nước ngoài từ các nước khác nhập cảnh vào Việt Nam	Không xác định	Chưa xác định
Biến thể	Chủng cũ	Chủng cũ	Chủng mới ở Anh
Thời gian bùng phát	Cuối tháng 1	Sau hơn 3 tháng	55 ngày
Ca F0	01 Ca từ Trung Quốc nhập cảnh vào Hà Nội	01 Ca Đà Nẵng	01 Ca Hải Dương 01 Ca Quảng Ninh
Ngày phát hiện	23/1/2020	22/7/2020	Hải Dương: 26/1/2021 Quảng Ninh: 27/1/2021
Ngày áp dụng biện pháp kiểm soát	23/1/2020	26/7/2020	28/1/2021
Số ca nhiễm sau 1 tuần	8	60	Trưa 28/1 (sau 2 ngày có thông tin ca đầu đã có 82 ca nhiễm – 72 ca Hải Dương và 10 ca ở Quảng Ninh)
Thời gian kết thúc kiểm soát	91 ngày	46 ngày	Chưa xác định
VNIndex	-33%	-8.88%	-6.46% trong ngày 28/1/2021

Nguồn: PTNC BSC tổng hợp